

## Phụ lục

### KẾ HOẠCH TỔNG THỂ NGUỒN VỐN TÀI TRỢ

(Kèm theo Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung các hoạt động dự án	Đơn vị tính	Đơn giá (Euro)	Số lượng	Tổng ODA (Euro)	Quy ra VND	Ghi chú
<b>I.</b>	<b>Cải thiện nguyên tắc chỉ đạo và các giải pháp tài chính bền vững được đề xuất để thúc đẩy</b>				<b>175.000</b>	<b>4.550.000.000</b>	
<b>1.</b>	<b>Xây dựng hướng dẫn thực hiện dự án</b>				<b>130.000</b>	<b>3.380.000.000</b>	
a.	Đào tạo các cán bộ dự án về hướng dẫn thực hiện dự án (quản lý, kỹ thuật và tài chính)	gói					Ban Trung ương thực hiện: Hướng dẫn thực hiện dự án sẽ được tư vấn triển khai xây dựng,
b.	Đào tạo về M&E cho cán bộ dự án và thành viên nhóm công tác	gói					Cơ chế môi trường và xã hội do IC phát triển
c.	Tiến hành khảo sát và đề xuất kế hoạch quản lý hệ sinh thái rừng tự nhiên, bao gồm: (i) Đánh giá mối đe dọa, (ii) Xác định diện tích rừng tự nhiên để ký hợp đồng bảo vệ rừng, (iii) Xác định diện tích quản lý rừng cộng đồng, (iv) Các giải pháp kèm theo	gói	30.000	1	30.000	780.000.000	Đánh giá mối đe dọa
d.	Đào tạo và thực hiện các hướng dẫn bảo vệ môi trường và xã hội	gói	50.000	1	50.000	1.300.000.000	Hướng dẫn dự án sẽ được xây dựng do tư vấn triển khai hợp tác với NPMU
e.	Các lựa chọn xác định cho sản xuất lâm sản ngoài gỗ (NTEP) và hỗ trợ các mối liên kết giữa người sản xuất (dân làng) và các công ty trong cộng đồng gần rừng đặc dụng (SUF) và các mối đe dọa cao đối với rừng tự nhiên	gói	50.000	1	50.000	1.300.000.000	Chuyên gia của khu vực tư nhân có kinh nghiệm kinh doanh
<b>2.</b>	<b>Cải thiện các hướng dẫn để tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương vào việc quản lý hệ sinh thái rừng</b>						
a.	Cải thiện cơ chế hỗ trợ tài chính cho quản lý rừng cộng đồng bao gồm: (i) Hướng dẫn kiểm tra chấp thuận hàng năm về quản lý, bảo vệ rừng, (ii) Cơ chế hỗ trợ tài chính cho quản lý rừng cộng đồng và quản lý tài chính các nguồn tiếp nhận						Ban Trung ương thực hiện: Chuyên gia tư vấn triển khai, hợp tác với chuyên gia địa phương
b.	cải thiện các hợp đồng bảo vệ rừng để thúc đẩy sáng kiến tích cực và tối đa hóa sự tham gia của cộng đồng vào công tác bảo vệ rừng.						Ban Trung ương thực hiện: Chuyên gia tư vấn triển khai, hợp tác với chuyên gia địa phương
<b>3.</b>	<b>Xây dựng các nghiên cứu để khởi xướng các nguồn tài chính bền vững mới cho quản lý hệ sinh thái rừng</b>						
a.	1.3.1. Tiến hành nghiên cứu phạm vi về triển vọng đăng ký Ngân hàng sinh cảnh (Habitat Banks) để bán tín chỉ đa dạng sinh học kiêm tín chỉ carbon						Ban Trung ương thực hiện: Kết hợp với hợp đồng tư vấn
b.	Đánh giá và tổng hợp kinh nghiệm để hoàn thiện cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng (FPES) và các dịch vụ sinh thái khác đề xuất sẽ áp dụng cho dự án						Ban Trung ương thực hiện:

STT	Nội dung các hoạt động dự án	Đơn vị tính	Đơn giá (Euro)	Số lượng	Tổng ODA (Euro)	Quy ra VND	Ghi chú
4.	<b>Thúc đẩy các kết quả dự án và đóng góp vào việc hỗ trợ đánh giá hoàn thiện các hướng dẫn, quy định và chính sách liên quan đến lĩnh vực Lâm nghiệp</b>				45.000	1.170.000.000	
a.	Tổ chức thăm quan các mô hình quản lý rừng cộng đồng thành công cho các ban quản lý rừng cộng đồng mới thành lập	chuyến	10.000	3	30.000	780.000.000	
b.	Tổ chức thăm quan các mô hình quản lý quỹ cộng đồng thành công cho các lãnh đạo và kế toán của ban quản lý rừng cộng đồng	chuyến	15.000	1	15.000	390.000.000	
c.	Tiến hành nghiên cứu và đánh giá các mô hình thành công của dự án để rút ra bài học kinh nghiệm và đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành						Ban Trung ương thực hiện
d.	Tổ chức hội thảo đánh giá để rút kinh nghiệm và đề xuất hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành						Ban Trung ương thực hiện
<b>II.</b>	<b>Tăng cường quản lý các khu bảo tồn và rừng phòng hộ.</b>				<b>1.420.000</b>	<b>36.920.000.000</b>	
1.	<b>Thí điểm giám sát đa dạng sinh học và thiết lập cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học cũng như tăng cường năng lực cho lực lượng kiểm lâm và các chủ rừng</b>				800.000	20.800.000.000	
a.	Khảo sát đánh giá hiện trạng và các mối đe dọa đối với các điểm nóng về đa dạng sinh học rừng tự nhiên tại khu vực dự án, đặc biệt là rừng phòng hộ						Ban Trung ương thực hiện
b.	Nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ các tỉnh trong việc thiết lập và quản lý cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học						Ban Trung ương thực hiện
c.	Mua sắm trang thiết bị giám sát đa dạng sinh học hỗ trợ chi cục kiểm lâm tỉnh	gói	150.000	1	150.000	3.900.000.000	
d.	Thực hiện giám sát đa dạng sinh học (Phương pháp kết hợp hình ảnh vệ tinh, bẫy âm thanh và KAMERA)	gói	500.000	1	500.000	13.000.000.000	
e.	Thiết lập cơ sở dữ liệu tài nguyên rừng và đa dạng sinh học và đào tạo cán bộ Sở NN&MT quản lý cơ sở dữ liệu	gói	100.000	1	100.000	2.600.000.000	
f.	Hợp tác với các Trường Đại học, các Viện nghiên cứu để xây dựng và hoàn thiện hệ thống giám sát đa dạng sinh học.						Ban Trung ương thực hiện
g.	Tập huấn điều tra, giám sát đa dạng sinh học cho lực lượng Kiểm lâm và bảo vệ rừng	khóa	50.000	1	50.000	1.300.000.000	
2.	<b>Tăng cường năng lực cho lực lượng bảo vệ rừng của ban quản lý rừng Đặc dụng, Phòng hộ trong bảo vệ, quản lý bền vững rừng tự nhiên.</b>				270.000	7.020.000.000	
a.	Hỗ trợ các khu bảo tồn, thí điểm ứng dụng công nghệ tiên tiến (SMART) bao gồm cả nhà cung cấp dịch vụ và đào tạo	gói	200.000	1	200.000	5.200.000.000	2 khu vực được bảo vệ mỗi khu vực 100,000 Euro do các tổ chức phi chính phủ giàu kinh nghiệm thực hiện, hiện diện tại khu vực trong 3 năm. Sẽ được cập nhật dựa trên các khu vực và nhu cầu thực tế

STT	Nội dung các hoạt động dự án	Đơn vị tính	Đơn giá (Euro)	Số lượng	Tổng ODA (Euro)	Quy ra VND	Ghi chú
b.	Tập huấn phương pháp nghiệm thu bảo vệ rừng cho lực lượng kiểm lâm của ban quản lý rừng đặc dụng và ban quản lý rừng phòng hộ và cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu tài nguyên rừng, đa dạng sinh học của tỉnh	khóa	20.000	1	20.000	520.000.000	
c.	Mua thiết bị cho rừng đặc dụng và vườn quốc gia ((SUF/NP)	gói		1	50.000	1.300.000.000	Tây Ba Tư: 25.000 Euro; Trà Bồng: 25.000 Euro
<b>3.</b>	<b>Hỗ trợ hệ thống giám sát diễn biến tài nguyên rừng (FRMS), SMART ở cấp trung ương (Cục Kiểm lâm)</b>				<b>100.000</b>	<b>2.600.000.000</b>	
a.	Nâng cấp trang thiết bị và phần mềm						Ban Trung ương thực hiện
b.	Tập huấn cho cán bộ Cục Kiểm lâm về sử dụng và cập nhật hệ thống						Ban Trung ương thực hiện
c.	Hỗ trợ dự án thành lập rừng đặc dụng tại Ban phòng hộ Vĩnh Thạnh theo yêu cầu tiêu chuẩn đổi mới quốc tế	gói	100.000	1	100.000	2.600.000.000	
<b>4.</b>	<b>Giám sát khả năng tiếp thu carbon của rừng tự nhiên: Khảo sát xác định khả năng hấp thụ carbon của diện tích rừng tự nhiên mục tiêu</b>						Ban Trung ương thực hiện
<b>5.</b>	<b>Hỗ trợ hệ thống giám sát biến động tài nguyên rừng, hệ thống quản lý rừng (FRMS) SMART cấp trung ương</b>						Ban Trung ương thực hiện
a.	Nâng cấp thiết bị và phần mềm						Ban Trung ương thực hiện
b.	Đào tạo cán bộ kiểm lâm về sử dụng và cập nhật hệ thống						Ban Trung ương thực hiện
<b>6.</b>	<b>hỗ trợ phát triển cộng đồng vùng đệm nội thành</b>				<b>150.000</b>	<b>3.900.000.000</b>	
a.	Kế hoạch tổng thể phát triển cộng đồng và hỗ trợ sinh kế (khoản tài trợ nhỏ) cho các cộng đồng xa xôi, khó khăn gần các khu rừng đặc dụng và rừng phòng hộ đã chọn	làng	10.000	15	150.000	3.900.000.000	
<b>7.</b>	<b>Hỗ trợ tập huấn cho lực lượng bảo vệ rừng (tỉnh Phú Yên cũ)</b>						Ban Trung ương thực hiện
<b>8.</b>	<b>Nâng cao hiệu quả quản lý của các ban quản lý rừng phòng hộ</b>				<b>100.000</b>	<b>2.600.000.000</b>	
a.	Thiết kế và ứng dụng hệ thống giám sát rừng và phản ứng nhanh hiện đại dựa trên đánh giá của tư vấn, triển khai và chuyển giao kết quả vào kế hoạch hành động	gói	20.000	5	100.000	2.600.000.000	
<b>III.</b>	<b>Quản lý rừng cộng đồng</b>				<b>966.847</b>	<b>25.138.022.000</b>	
<b>1.</b>	<b>Tăng cường quản lý rừng cộng đồng hiện có (WB3; KfW6)</b>				<b>880.700</b>	<b>22.898.200.000</b>	
a.	Đào tạo lại về:Lập kế hoạch quản lý rừng hàng năm cho các thành viên ban quản lý rừng cộng đồng (CFMB)	khóa	20.000		28.000	728.000.000	Theo biểu gốc: đơn giá và tổng vốn bị nhầm
c.	Hỗ trợ tài chính bảo vệ rừng (3 năm đầu)	ha	60	12.545 ha	752.700	19.570.200.000	
d.	Tăng cường năng lực của các thành viên Ban quản lý rừng cộng đồng (CFMB) và quản lý quỹ cộng đồng	khóa	10.000	2	20.000	520.000.000	
e.	Đào tạo cộng đồng tiếp cận khả năng chi trả dịch vụ môi trường rừng	khóa	10.000	2	20.000	520.000.000	

STT	Nội dung các hoạt động dự án	Đơn vị tính	Đơn giá (Euro)	Số lượng	Tổng ODA (Euro)	Quy ra VND	Ghi chú
f.	Tập huấn bổ sung cho thành viên của các BQL rừng cộng đồng mà chưa nhận được hỗ trợ từ dự án KfW6 và WB3 trước đây tại tỉnh Quảng Ngãi.	gói	20.000	3	60.000	1.560.000.000	
<b>2.</b>	<b>Hỗ trợ phân bổ và quản lý rừng cộng đồng mới</b>				<b>86.147</b>	<b>2.239.822.000</b>	
a.	Chuẩn bị thành lập các ban quản lý rừng cộng đồng mới thông qua hỗ trợ kiểm kê rừng và giao rừng cho cộng đồng	ha	30	540 ha	16.200	421.200.000	
b.	Thiết lập tổ chức ban quản lý rừng cộng đồng, bao gồm tất cả các quy định về hoạt động và quản lý	ban	1.500	10	15.000	390.000.000	
c.	Hỗ trợ tài chính bảo vệ rừng trong 3 năm đầu	ha	60	540 ha	32.400	842.400.000	
d.	Đào tạo cho các thành viên của ban quản lý rừng cộng đồng về các khía cạnh liên quan đến hoạt động và quản lý rừng	khóa	15.000	1	15.000	390.000.000	
e.	Tập huấn tuần tra giám sát đa dạng sinh học bằng Dụng cụ thông minh (SMART) cho nhóm bảo vệ rừng thuộc các ban quản lý rừng phòng hộ	khóa	20.000		7.547	196.222.000	
<b>IV.</b>	<b>Quản lý giám sát dự án</b>				<b>230.000</b>	<b>5.980.000.000</b>	
<b>1.</b>	<b>Phương tiện vận chuyển</b>				<b>195.000</b>	<b>5.070.000.000</b>	
a.	Mua xe WD cho ban quản lý dự án tỉnh	xe	45.000	1	45.000	1.170.000.000	
b.	Mua xe bán tải cho các ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ, CC Kiểm lâm	xe	30.000	5	150.000	3.900.000.000	
<b>2.</b>	<b>Thiết bị văn phòng dự án</b>				<b>15.000</b>	<b>390.000.000</b>	
a.	Mua sắm thiết bị văn phòng ban quản lý dự án tỉnh	gói	15.000	1	15.000	390.000.000	
<b>3.</b>	<b>Giám sát và kiểm soát dự án</b>						<b>Do Ban trung ương và tư vấn KfW thực hiện</b>
<b>5.</b>	<b>Các cuộc họp dự án</b>				<b>20.000</b>	<b>520.000.000</b>	
a.	Hội thảo khởi động						Ban trung ương thực hiện
b.	Hội thảo lập kế hoạch, tiến độ đánh giá ở cấp trung ương						Ban trung ương thực hiện
c.	Hội thảo lập kế hoạch tiến độ, đánh giá ở cấp tỉnh	cuộc	2.000	5	10.000	260.000.000	
e.	Hội thảo đánh giá cuối kỳ cấp tỉnh	cuộc	10.000	1	10.000	260.000.000	
<b>6.</b>	<b>Nhiệm vụ đánh giá giữa kỳ</b>						<b>Ban trung ương thực hiện</b>
<b>7.</b>	<b>Nguyên cứu đánh giá cuối kỳ của dự án</b>						<b>Ban trung ương thực hiện</b>
<b>V.</b>	<b>Chi phí dịch vụ tư vấn</b>						<b>2,258,220 Euro; Do tư vấn KfW thực hiện</b>
	<b>Tổng chi phí tài trợ cho Dự án tỉnh</b>				<b>2.791.847</b>	<b>72.588.022.000</b>	
	Chi phí dự phòng chung toàn dự án						1,775,980 Euro sẽ được phân bổ sau đánh giá giữa kỳ